

ĐỀ LUYỆN ONLINE SỐ 6 – LỚP V5 THỨ 7

Câu 1. Nhận định nào dưới đây chưa đúng?

- A. Các từ được gạch chân trong nhóm “lá cờ, lá thư, lá gan” không phải là các từ
- B. “Cam” trong “đồng cam cộng khổ” đồng âm với “cam” trong “cam chịu”.
- C. “Lạc” trong “lạc quan” đồng âm với “lạc” trong “lạc hậu”.
- D. Từ “sâu” trong “Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa” và “sâu” trong “Con sâu làm rầu nồi canh” là một từ nhiều nghĩa.

Câu 2. Trong câu, kết từ dùng để:

- A. Nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.
- B. Kết từ thường bỏ nghĩa cho các bộ phận được nó nối.
- C. Cả A và B

Câu 3. Từ nào chứa tiếng “nhân” không có nghĩa là “người”?

- A. Doanh nhân B. Nhân ái C. Nhân tố D. Cả B và C

Câu 4. Có bao nhiêu tiếng không có thanh ngang trong câu văn “Những bông hoa trắng muốt rụng rờ, nở bung như trái cà lòng mình.”

- A. 8 B. 9 C. 10 D. 11

Câu 5. Xét về mặt từ loại, nhóm từ: “thăm dò, dò xét, thám hiểm, do thám” có điểm gì chung?

- A. Đều là danh từ B. Đều là động từ C. Đều là tính từ D. Đều là kết từ

Câu 6. Chọn dòng có các bài thơ đều do Xuân Quỳnh sáng tác:

- A. “Tuổi ngựa”, “Trăng ơi... từ đâu đến?”, “Tiếng gà trưa”
- B. “Tiếng gà trưa”, “Bè xuôi sông La”, “Chuyện cổ tích về loài người”
- C. “Trăng ơi...từ đâu đến?”, “Tuổi ngựa”, “Chuyện cổ tích về loài người”
- D. “Chuyện cổ tích về loài người”, “Tuổi ngựa”, “Tiếng gà trưa”

Câu 7. Chọn cặp từ đồng nghĩa để hoàn thành thành ngữ: “Ăn.....nói.....”

- A. Ít - nhiều B. Tục – khoác C. To – lớn D. Ốc – mò

Câu 8. Đáp án nào dưới đây có từ được gạch chân là đại từ?

A. Ông bị đau chân

Nó sừng nó tấy

Đi phải chống gậy. (Tú Mỡ)

B. Bé cháu ông thù thi:

- Cháu khỏe hơn ông nhiều!

Ông là buổi trời chiều

Cháu là ngày rạng sáng. (Lê Chí Lộc)

C. Ngó lên nuộc lạt mái nhà

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu. (Ca dao)

D. Nhớ về ông nội ngày xưa

Lung còng, tóc bới, tuổi vừa bảy mươi. (Dũng Bùi)

Câu 9. Chọn từ hay nhất điền vào chỗ trống để câu giàu sức gợi tả hơn:

“Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi

.....trắng vườn nhà những cánh hoa vương”. (Tô Hùng)

A. Roi

B. Rắc

C. Rụng

Câu 10. Qua bài tập đọc “Thư gửi các học sinh”, em hiểu thêm điều gì về Bác?

A. Bác luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho thế hệ trẻ.

B. Bác luôn đặt niềm tin và hi vọng vào thế hệ trẻ.

C. Bác có tầm nhìn xa trông rộng, thấy được sự quan trọng của giáo dục đối với công cuộc xây dựng đất nước.

D. Cả A, B và C

Câu 11. Câu hỏi nào dưới đây *không* dùng để khẳng định?

A. Cái bánh này cũng ngon đấy chứ?

B. Cô ấy cũng chăm học đấy chứ?

C. Loài hoa này có thơm không?

D. Cậu ấy cũng hài hước đấy chứ?

Câu 12. Đọc đoạn văn sau và cho biết:

“Nam Phi là một nước nổi tiếng nhiều vàng, kim cương nhưng cũng nổi tiếng về nạn phân biệt chủng tộc. Chế độ phân biệt chủng tộc ở đây được toàn thế giới biết đến với tên gọi a-pác-thai. Ở nước này, người da trắng chỉ chiếm 1/5 dân số nhưng lại nắm gần 9/10 đất trồng trọt, 3/4 tổng thu nhập và toàn bộ hầm mỏ, xí nghiệp, ngân hàng..

Ngược lại, người da đen phải làm những công việc nặng nhọc, bần thiêu; lương chỉ bằng 1/7 hay 1/10 lương của công nhân da trắng”.

(Theo *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*)

Từ nối câu với câu trong đoạn văn trên là:

A. Nhưng

B. Ngược lại

C. Nhưng, này

D. Nhưng, đây, này, và, ngược lại

Câu 13. Dòng nào dưới đây chưa phải là câu?

A. Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ I-rơ-pao chao mình rung động.

B. Cánh đồng rộng bao la và xanh mướt.

C. Giữa nền trời Tây Nam trong vắt.

D. Nắng xuân lọc qua những vòm lá xanh non.

Câu 14. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Lan: Cậu cũng có tài vật (1) ra phết đấy chứ!

Nam: Sao cậu biết tớ có nhiều tài vật (2)?

Lan: Nhìn mấy cây xoài, cây ổi nhà cậu bị vật (3) chẳng cây nào còn quả là biết thôi mà.

Nam: !!!

(Sưu tầm)

Từ “vật” (2) đồng âm với từ “vật” nào trong truyện?

- A. “Vật” (1) B. “Vật” (3) C. “Vật” (1) và “vật” (3)

Câu 15. “Dám đương đầu với nguy hiểm để làm việc có ích” là nghĩa của từ nào dưới đây?

- A. Dũng sĩ B. Trí dũng C. Dũng cảm D. Hùng dũng

Câu 16. Chọn nhận định đúng:

A. Kết từ không có tác dụng nối và thể hiện mối quan hệ giữa các bộ phận được nối.

B. Kết từ là những từ dùng để nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.

C. Kết từ là những từ dùng để thay thế cho danh từ, động từ, tính từ để khỏi lặp lại.

D. Cả B và C đều đúng.

Câu 17. Hà Ân có một bài viết ca ngợi truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta. Tên của bài viết đó là:

- A. “Thầy thuốc như mẹ hiền” B. “Nghĩa thầy trò”
C. “Văn hay chữ tốt” D. “Vẽ trứng”

Câu 18. Từ nào dưới đây có tiếng “lệ” không giống nghĩa với tiếng “lệ” trong các từ còn lại?

- A. Mĩ lệ B. Diễm lệ C. Luật lệ D. Tráng lệ

Câu 19. Câu văn: “Ánh mặt trời chiếu qua tán lá xuống như một ánh đèn xanh dịu.” (Ngô Quân Miện) có bao nhiêu tiếng không có đầy đủ ba bộ phận “âm đầu, vần, thanh”.

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20. Các khổ thơ dưới đây ca ngợi điều gì?

“Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ông lành như hạt gạo

Bà hiền như suối trong.

Còn núi non Cao Bằng
Đo làm sao cho hết
Như lòng yêu đất nước
Sâu sắc người Cao Bằng.

Đã dâng đến tận cùng
Hết tầm cao Tổ quốc
Lại lặng thâm trong suốt
Như suối khuất rì rào”.

(*Cao Bằng* - Trúc Thông)

- A. Các khổ thơ ca ngợi vẻ đẹp hùng vĩ của núi non Cao Bằng.
- B. Các khổ thơ ca ngợi cuộc sống trù phú và ấm no trên quê hương Cao Bằng.
- C. Các khổ thơ ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn bình dị, trong sáng, chan chứa tình yêu Tổ quốc của con người Cao Bằng.